

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 / 5 / 2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trương Phước Công;
 2. Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1983; địa chỉ: số A, đường T, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Mã Kim N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu, ông H và bà Mã Kim N kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 02/8/2011. Sau khi kết hôn, ông H và bà N chung sống tại địa chỉ hiện nay của ông H. Sau khoảng 01 năm chung sống, ông H, bà N phát mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng

quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Vào khoảng tháng 8/2012, sau khi cãi vã với ông H, bà N bỏ đi nơi khác sinh sống. Ông H, bà N không còn chung sống từ tháng 8/2012 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông H, bà N không có con chung và không có tài sản chung, nợ chung.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao trích lục kết hôn số 1/2011/TLKH-BS ngày 06/7/2016 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp (số đăng ký 102, ngày 02/8/2011).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mã Kim N cho rằng, do quen biết nên bà N và ông H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã; không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà N chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông H và bà N chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu ly hôn với bà N. Đồng thời, bà N thống nhất với ý kiến của ông H về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với ông H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Phước H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Mã Kim N. Đồng thời, bà N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Phước H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Mã Kim N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông H và bà N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông H xác định, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã từ khoảng tháng 8/2012 cho đến nay do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và ông H, bà N không còn sống chung từ tháng 8/2012 cho đến nay.

Bà N thống nhất với ý kiến của ông H về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với ông H.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông H và bà N thường xuyên cãi vã và không còn sống chung. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông H, bà N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông H, bà N cùng xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Phước H được ly hôn với bà Mã Kim N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 02/8/2011 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Phước H và bà Mã Kim N không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006093 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 02 năm 2021; ông Nguyễn Phước H đã nộp đủ án phí.

Bà Mã Kim N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Phước H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Mã Kim N được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình